

Bản án số 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sử.

Ông Trương Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Phan Thái Trung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, “Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị A, sinh năm 1999.

Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã Thường Phước, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Khóm P, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1998.

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Ngô Thị A trình bày về hôn nhân của chị và anh Nguyễn Văn Q cưới nhau vào năm 2018, tự tìm hiểu được

hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc vợ con, đi làm về là ăn ngủ, không lo cho con tiếp chi, tình trạng kéo dài từ đến cuối năm 2021 thì anh Q về mẹ ruột sống cho đến nay nên vợ chồng chi ly thân đến nay. Khi cưới nhau vợ chồng chi sống bên chồng vài tháng rồi nhà mẹ ruột chi sống cho đến cuối năm 2021. Từ ly thân đến nay hai bên gia đình không gặp nhau để hàn gắn cho vợ chồng. Nay chi không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Nhật K, sinh ngày 15/11/2018 (hiện anh Q đang nuôi dưỡng) và Nguyễn Nhật F, sinh ngày 10/4/2021 (hiện cháu đang nuôi dưỡng). Chị Ngô Thị A yêu cầu anh Q giao cháu K cho chị nuôi dưỡng và chị yêu cầu được tiếp tục cháu Nhật F, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con. Về chia tài sản chung: không có, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Vào năm 2018 anh và chị Ngô Thị A tự tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Khi cưới nhau vợ chồng anh sống chung vợ gia đình anh hơn một năm thì vợ mang thai đi lên nhà cha mẹ vợ khó khăn nên cha vợ kêu về sống bên vợ đến cuối năm 2021. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2021 cũng không có mâu thuẫn gì nhưng anh mâu thuẫn với em vợ và cha mẹ vợ và em vợ anh đuổi nên anh bỏ đi cho đến nay. Khi anh mâu thuẫn với em vợ thì hai bên gia đình không gặp nhau để hàn gắn và anh có năn nỉ vợ hai lần và có bàn với vợ mượn nhà trọ ở nhưng vợ không chịu mà yêu cầu ly hôn với anh nên anh không thống nhất ly hôn với cô An. Về nuôi con chung: 02 con chung tên Nguyễn Nhật K, sinh ngày 15/11/2018 (hiện anh đang nuôi dưỡng) và Nguyễn Nhật F, sinh ngày 10/4/2021(hiện cô An nuôi dưỡng). Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày 15/11/2018, thống nhất giao cháu Nguyễn Nhật F, sinh ngày 10/4/2021 cho cô An nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi cháu F theo quy định pháp luật, còn anh nuôi cháu Nguyễn Nhật K, không yêu cầu cô An cấp dưỡng cho con. Về chia tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Về hôn nhân: chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện thỏa thuận tình ly hôn; Về con chung: Chị Ngô Thị A được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật F, sinh ngày 10/4/2021, chị An không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con, tuy nhiên tại phiên tòa anh Quý không thống nhất cấp dưỡng cho cháu F, nên anh Quý không cấp dưỡng nuôi con vì chị An không yêu cầu; Anh Nguyễn Văn Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật K, sinh ngày 15/11/2018, anh Q không yêu cầu cấp dưỡng cho con, do chị An không phải cấp dưỡng cho cháu K; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Quý tự nguyện thống nhất ly hôn với chị An, về con chung anh Quý yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhật Hào, thống nhất giao cháu Nhật F cho cô An, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn Quý có địa chỉ: Khóm 1, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân: chị Ngô Thị A yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Quý và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Quý tự nguyện thống nhất ly hôn với chị An nên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn Q là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Thạnh, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nên công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn Quý là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn Quý trình bày có 02 con chung Nguyễn Nhật K, sinh ngày 15/11/2018 (hiện anh Quý đang nuôi

dưỡng) và Nguyễn Nhật F, sinh ngày 10/4/2021 (hiện chị An nuôi dưỡng). Xét việc chị An yêu cầu anh Quý giao cháu Nhật Hào cho chị nuôi dưỡng và chị tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Nhật F, sinh ngày 10/4/2021 không yêu cầu anh Quý cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy từ tháng 11/2021 đến nay chị và anh Quý ly thân thì anh Quý đã nuôi dưỡng cháu Nhật Hào đã ổn định, hơn nữa anh Quý đã chứng minh hàng tháng thu nhập của anh là 9.000.000đ và chị cũng trình bày hiện chị đang trông coi tiệm tạp hóa cho mẹ chị ở khóm Thượng 1, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện H thu nhập mỗi tháng hơn 4.000.000 đồng nên xét về điều kiện của anh Quý và chị An hiện đều đang có chỗ ở và công việc ổn định nên cả hai đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung nên hội đồng xét xử cho anh Quý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhật Hào, chị không cấp dưỡng do anh Quý không yêu cầu và chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật F, sinh ngày 10/4/2021, anh Quý không phải cấp dưỡng cho con do chị An không yêu cầu là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Chị An và anh Quý cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Chị An và anh Quý trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về chia tài sản chung: chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn Quý trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn Quý trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố H phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị A. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Ngô Thị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn Quý.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Ngô Thị A.

- Chị Ngô Thị A được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Nhật F, sinh ngày 10/4/2021(hiện chị An nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Văn Quý không phải cấp dưỡng cho con do chị Ngô Thị A không yêu cầu.

- Anh Nguyễn Văn Quý được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Nhật Hào, sinh ngày 15/11/2018 (hiện anh Quý đang nuôi dưỡng). Chị Ngô Thị A không phải cấp dưỡng cho con do anh Nguyễn Văn Quý không yêu cầu.

Chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn Quý cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn Quý trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản chung: chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn Quý trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn Quý trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Ngô Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006532 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Chị An đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. H;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mai Trinh